

VAI TRÒ VÀ MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG Ở VIỆT NAM

TS. PHẠM THỊ MINH HẠNH
Trưởng Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận

Đào tạo liên thông (ĐTTL) là một trong những phương thức giúp cho người học có cơ hội thực hiện việc học tập liên tục, học tập suốt đời. Để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống giáo dục Việt Nam trong thời kì hội nhập, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trong nước cần có sự phối hợp chặt chẽ về mọi mặt nhằm đào tạo được đội ngũ nhân lực trình độ cao, hiệu quả và chất lượng, có thể đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước. Một trong những vấn đề cần sự phối hợp giữa các cơ sở giáo dục (CSGD) nhằm nâng cao trình độ của nguồn nhân lực Việt Nam là hoạt động ĐTTL, đặc biệt là trong giai đoạn thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1. Vai trò của ĐTTL trong sự phát triển của giáo dục Việt Nam

Trong giai đoạn hiện nay cần có đội ngũ nhân lực đảm bảo chất lượng và số lượng cho xã hội, ĐTTL thể hiện rõ nhất các vai trò sau:

- Tạo điều kiện cho mọi người trong xã hội có cơ hội học tập liên tục, suốt đời nhằm nâng cao trình độ phục vụ tốt nhất cho hoạt động của mỗi cá nhân cũng như đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Khai thác được sự tham gia của đội ngũ nhân lực trình độ cao vào hoạt động đào tạo nhân lực để bổ sung nhân lực có chất lượng phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Mở rộng các lộ trình đào tạo cho hệ thống giáo dục Việt Nam, đặc biệt là mối liên hệ, hợp tác và sự thống nhất giữa ngành giáo dục và các ngành nghề khác trong đào tạo nhân lực cho đất nước.

- Hoàn thiện chương trình khung thống nhất trên toàn lãnh thổ, tạo niềm tin tuyệt đối cho bất cứ ai có ước mơ học tập.

- Khẳng định được sự lớn mạnh và hiệu quả của hệ thống giáo dục Việt Nam trong đào tạo nhân lực phục vụ cho đất nước trong thời kì hội nhập.

Với vai trò đó, ĐTTL cần được sự quan tâm đúng mức của nhiều thành phần trong xã hội như: các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo,

nhà nghiên cứu, các cơ sở giáo dục (CSGD) có liên quan đến hoạt động này.

2. Một số trở ngại đối với ĐTTL ở Việt Nam hiện nay

Được thể chế hoá từ năm 2002 với Quyết định số 49/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 12 năm 2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, mặc dù tồn tại đã từ rất lâu dưới nhiều hình thức, song sau hơn 10 năm hoạt động ĐTTL vẫn còn thể hiện bất cập về nhiều mặt, rõ nét nhất là:

- Về quy mô của hoạt động ĐTTL: Các hoạt động ĐTTL chủ yếu chỉ diễn ra trong từng CSGD, chưa có quy mô trên toàn lãnh thổ: các trường đại học tuyển sinh thêm hệ cao đẳng, trung cấp; các trường cao đẳng mở thêm hệ trung cấp để có thể tổ chức liên thông lên cao đẳng, đại học của trường mình, liên thông ngang giữa ngành này và ngành khác chủ yếu cũng chỉ diễn ra trong từng CSGD...

- Đào tạo theo học chế tín chỉ hiện nay chỉ bắt buộc đối với bậc cao đẳng và đại học, các trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề muốn liên thông lên bậc học này vẫn bị xem là lạc hậu. Rào cản này càng khiến cho quy mô ĐTTL chỉ phát triển theo hướng tăng quy mô trong phạm vi từng trường. Điều này giải thích vì sao các trường luôn muốn nâng cấp thành trường đại học.

- Về nội dung, chương trình ĐTTL: chương trình không tương thích là một trong những lí do từ chối dễ dàng các đối tượng tuyển sinh của các trường có bậc đào tạo thấp hơn với cùng ngành nghề đào tạo muốn thực hiện liên thông, đặc biệt là liên thông lên đại học.

- Quan hệ phối hợp giữa các bộ ngành: Chương trình khung là điều kiện tối thiểu đảm bảo sự thống nhất cấp quốc gia cho các hoạt động đào tạo nhân lực nhưng cho đến nay vẫn chưa có chương trình khung thống nhất cho nhiều ngành học của các trường trực thuộc các bộ ngành khác nhau, do đó khó có thể thực hiện ĐTTL giữa các CSGD này.

Ngoài những vấn đề cơ bản đã được nêu ra, ĐTTL vẫn còn rất nhiều vấn đề cần phải tranh luận,

vẫn rất cần có những cơ chế, chính sách hợp lí để giúp cho hoạt động này mang lại hiệu quả.

3. Một số kinh nghiệm đào tạo liên thông trên thế giới

Đối với các quốc gia có hệ thống giáo dục lâu đời, việc chuyển đổi sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ nhằm mục đích thu hút sinh viên trên toàn thế giới đến đất nước của họ, điều này mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia bởi việc truyền bá ngôn ngữ chính thống, trao đổi văn hóa và những lợi ích kinh tế kèm theo. Chính vì thế, khi thiết kế nội dung chương trình theo hệ thống tín chỉ, các CSGD đại học này luôn chú trọng đến sự tương thích với các hệ thống giáo dục của nhiều nước, đặc biệt là những nước kém phát triển hơn bởi đó là nguồn tuyển sinh lâu dài, chắc chắn và ít cạnh tranh.

Do đó, ngay cả một số nước có hệ thống giáo dục nổi tiếng phức tạp, lâu đời và hết sức hiệu quả như Pháp vẫn chuyển sang học chế tín chỉ và hệ thống giáo dục mới, đơn giản hơn được thiết lập hết sức phù hợp với phương thức đào tạo này.

Để đảm bảo hoạt động liên thông trong nước và giữa các quốc gia dễ dàng thực hiện, nội dung chương trình thiết kế theo học chế này hết sức linh hoạt được áp dụng cho bất cứ sinh viên tốt nghiệp ở bất kì ngành nghề nào, CSĐT nào, kể cả trong và ngoài nước đều có cơ hội để tiếp tục học nâng cao trình độ, nhất là đối với các CSGD ngoài công lập.

Với chủ trương chung đó, đơn vị quản lí nhà nước về giáo dục cấp quốc gia có thể can thiệp vào các hoạt động cơ bản nhất của các CSGD đại học nhằm đảm bảo sự thống nhất chung trên toàn lãnh thổ về ĐTLT giữa các CSGD trong nước và giữa các quốc gia, vì thế, những sáng kiến cho sự phát triển các định hướng đó được ưu tiên lựa chọn.

Để hoạt động liên thông ngang diễn ra thuận lợi trong trường cũng như ngoài trường, các CSGD dù ngang cấp hay không vẫn **luôn tôn trọng quá trình đào tạo của nhau**, do đó những tín chỉ nào sinh viên đã học qua ở một CSGD khác có bậc đào tạo thấp hơn trong nước cũng như ngoài nước đều được công nhận.

Nội dung chương trình đào tạo hình thành thương hiệu của mỗi CSGD có tham gia vào quá trình đào tạo nhân lực vốn vẫn là vấn đề then chốt trong ĐTLT. Do đó, hoạt động này được diễn ra thuận lợi ở nhiều nước là nhờ giải quyết tốt vấn đề này.

Ngoài ra, ở các nước tổ chức thành công hoạt động ĐTLT, các CSGD hết sức quan tâm đến hoạt

động của sinh viên sau khi tốt nghiệp, do đó, khi bắt đầu dự tính tuyển sinh một ngành học bất kì, họ luôn dự báo một cách tương đối thông tin về mong muốn của sinh viên sau khi ra trường, và vì thế, hoạt động ĐTLT đã được thiết lập ngay khi tuyển sinh cho bất cứ một ngành học nào.

4. Một số định hướng đào tạo liên thông có thể vận dụng cho Việt Nam

ĐTLT là một hoạt động đã thực sự tồn tại trong hệ thống giáo dục Việt Nam từ lâu dưới nhiều hình thức: tại chức, chuyên tu, vừa học vừa làm... và mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân lực được đào tạo, nhưng hoạt động này chỉ mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo thể chế hóa với quy mô cả nước vào đầu thế kỉ 21 cùng với định hướng chuyển đổi sang học chế tín chỉ của các CSGD đại học. Điều này đòi hỏi hệ thống giáo dục Việt Nam cần có định hướng chung cho hoạt động này trên toàn lãnh thổ, khi đó hệ thống giáo dục Việt Nam mới có sự thống nhất.

Để thực hiện được điều này, Việt Nam cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Các CSGD đại học cần nhận thức rõ việc mở rộng quy mô đào tạo với nguồn tuyển sinh ổn định, lâu dài với nhiều đối tượng vẫn là hoạt động cơ bản, vì thế, việc thiết kế nội dung chương trình theo học chế tín chỉ cần linh hoạt cho từng đối tượng tham gia dự thi: học sinh trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, khác chuyên ngành, cùng chuyên ngành, và gần chuyên ngành...

- Để có sự thống nhất chung trong cả nước và có khả năng thu hút học sinh ở các nước trong khu vực, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần yêu cầu các CSGD đại học khi đào tạo theo học chế tín chỉ cần thiết kế chương trình học theo từng modul. Mặc dù hiện nay ở Việt Nam đã có nhiều CSGD tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, nhưng đó chỉ là hình thức, nội dung chương trình chưa thể hiện tinh thần của học chế này.

- Khi Việt Nam chưa tổ chức phối hợp đồng bộ hoạt động ĐTLT giữa các CSGD với quy mô cả nước, để dần dần thực hiện được yêu cầu này, quản lí ĐTLT cần được quán triệt từ gốc: ngay khi đăng kí mở mã ngành, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần yêu cầu các CSGD có tham gia đào tạo cần nêu rõ lộ trình liên thông cả khi dự tuyển và sau khi tốt nghiệp cho ngành học đang mở này.

- Cần có sự phối hợp giữa trung ương và địa phương, giữa các bộ ngành trong việc xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, đảm bảo tất cả các

NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN LÝ... (Tiếp theo trang 47)

trào thi đua sẽ được tổ chức thường xuyên. Cần tuyên dương, khen thưởng kịp thời các điển hình tiên tiến, những cá nhân có thành tích xuất sắc để nêu gương cho các đơn vị, cá nhân khác. Điều đó có tác dụng rất lớn trong việc kích thích tinh thần, tạo ra động lực thi đua trong lao động, học tập..., người chủ nhiệm các trung tâm HTCD phải tích cực hoạt động, phải cải tiến công tác quản lý để có vị trí trong phong trào thi đua. Nhờ đó, năng lực quản lý của chủ nhiệm trung tâm HTCD được nâng lên.

Đánh giá đội ngũ chủ nhiệm trung tâm HTCD

Đánh giá đội ngũ chủ nhiệm trung tâm HTCD là nhằm làm rõ NLQL, phẩm chất đạo đức, hiệu quả công tác để trên cơ sở đó có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, tái nhiệm, đề bạt và miễn nhiệm cũng như để thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với chức danh chủ nhiệm. Hiện nay việc đánh giá đội ngũ chủ nhiệm các trung tâm HTCD chưa được chú trọng. Chỉ mới dừng ở mức chủ nhiệm tự đánh giá, hoặc ban chủ nhiệm đánh giá chủ nhiệm sau mỗi năm công tác, chưa có sự đánh giá, xếp loại của các cơ quan quản lý cấp trên đối với đội ngũ chủ nhiệm.

Để đánh giá trở thành một biện pháp, động lực kích thích mọi người phấn đấu vươn lên và tự điều chỉnh bản thân, các cấp quản lý trung tâm HTCD cần nhận thức đầy đủ vai trò hết sức quan trọng của đánh giá trong công tác cán bộ để thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Phải xem hiệu quả công việc, kết quả công tác là thước đo NLQL, đó chính là cơ sở quan trọng

để thực hiện công tác đánh giá chủ nhiệm trung tâm HTCD. Tất nhiên việc đánh giá cán bộ còn căn cứ vào những nhân tố khác như tiêu chuẩn cán bộ, điều kiện môi trường công tác...

b) Cần coi trọng nguyên tắc tự phê bình và đảm bảo tính công khai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2005), *Hướng đến một xã hội học tập và giáo dục cho mọi người GDKCQ thông qua mô hình trung tâm HTCD ở VN*
2. Bộ GD&ĐT và Hội Khuyến học VN (2005), *Tài liệu Hội nghị sơ kết 5 năm xây dựng và phát triển trung tâm HTCD*
3. Hội Khuyến học VN (2005), *Tổ chức và hoạt động của một số trung tâm HTCD ở các vùng KT-XH*
4. Ngô Quang Sơn (2010), *Một số giải pháp quản lý phát triển hệ thống trung tâm học tập cộng đồng góp phần xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam, Đề tài KH - CN trọng điểm cấp Bộ - Mã số B2008 - 29 - 30TD*
5. *CLC Management Handbook* (2003) - UNESCO Bangkok/APPEAL

SUMMARY

There are still many ineffective community learning centers due to many factors, especially the managerial capacity by the center heads. The author proposes 7 measures for improving managerial capacity by community learning center heads in Mekong Delta.

☞ trường cùng ngành, gần ngành nghề đào tạo đều có thể liên thông vì lợi ích chung cho người học và cho sự phát triển trong tương lai của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Caboche A. (1992), *Aperçu du système éducatif français*, CIEP, Sèvres. CIEP (1995), CIEP (2006).
2. Hanriot M. et Ceard M. (1991), "Évaluer", *Éducation et management*, n° 6, pp. 21-26.
3. Lawrence R.P. Reavill (1998), *Quality assessment, total quality management and the stakeholders in the UK higher education system*.
4. [www.indobase.com/study-abroad/countries/](http://www.indobase.com/study-abroad/countries/canada/education-system-in-canada.html)

[canada/education-system-in-canada.html](http://www.indobase.com/study-abroad/countries/canada/education-system-in-canada.html)

5. Kì yếu hội thảo *Đào tạo liên thông trong các trường trung cấp, cao đẳng, đại học Việt Nam: Thực trạng và bài học kinh nghiệm*. ĐHSP TPHCM, tháng 9/2008.

6. Kì yếu hội thảo *Đào tạo liên thông theo hệ thống tín chỉ ở Việt Nam*. VUN, tháng 4/2009.

SUMMARY

The article emphasizes the important role of articulation in education of Vietnam, experiences from some countries and proposes some orientations for Vietnam in the coming times.